

Phụ lục 1

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

STT	Nội dung	Vốn ĐTPT NSTW giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của HĐND Tỉnh)		Phương án bổ sung vốn ĐTPT NSTW giai đoạn 2021-2025 (64,780 tỷ đồng)		Tổng vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ (sau khi bổ sung vốn)	Vốn đối ứng của tỉnh giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của HĐND Tỉnh)
		Tổng hệ số phân bổ	Tổng vốn hỗ trợ	Tổng hệ số phân bổ	Tổng vốn hỗ trợ		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=4+6</i>	<i>8</i>
	TỔNG SỐ		443,620		64,780	508,400	972,150
I	Hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới cho các xã, các huyện	194,4	408,620	125,0	36,280	444,900	972,150
1	Huyện Tân Hồng	21,2	41,860	12	3,483	45,343	144,150
2	Huyện Hồng Ngự	24,9	50,665	15	4,353	55,018	144,200
3	Huyện Tam Nông	38,5	92,918	32	9,288	102,206	129,600
4	Huyện Thanh Bình	35,5	84,840	29	8,417	93,257	142,500
5	Huyện Cao Lãnh	14	26,113	7	2,032	28,145	54,900
6	Huyện Tháp Mười	8	14,922	4	1,161	16,083	51,200
7	Huyện Lấp Vò	24	44,765	12	3,483	48,248	121,300
8	Huyện Lai Vung	22,3	41,346	11	3,193	44,539	110,600
9	Huyện Châu Thành	2	3,730	1	0,290	4,020	47,600
10	Thành phố Cao Lãnh						2,600
11	Thành phố Hồng Ngự	4	7,461	2	0,580	8,041	5,900
12	Thành phố Sa Đéc						17,600
II	Hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025		35,000			35,000	
III	Hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025				15,000	15,000	

STT	Nội dung	Vốn ĐTPT NSTW giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của HĐND Tỉnh)		Phương án bổ sung vốn ĐTPT NSTW giai đoạn 2021-2025 (64,780 tỷ đồng)		Tổng vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ (sau khi bổ sung vốn)	Vốn đối ứng của tỉnh giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của HĐND Tỉnh)
		Tổng hệ số phân bổ	Tổng vốn hỗ trợ	Tổng hệ số phân bổ	Tổng vốn hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7=4+6	8
IV	Hỗ trợ bổ sung thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh (Hỗ trợ triển khai xây dựng thí điểm một số mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện đại diện một số vùng của cả nước)				13,500	13,500	

*** Ghi chú:**

Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

+ Ngân sách Tỉnh đã bố trí đối ứng là 972,150 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ đối ứng ngân sách Tỉnh đạt khoảng 1:1,9 (= 972,150 tỷ đồng NSDP: 508,400 tỷ đồng NSTW) (trước đây là 1:2,2).

NG NÔNG THÔN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tổng vốn NSTW và vốn đối ứng của tỉnh giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
9=7+8	10
<u>1.480,550</u>	
1.417,050	
189,493	
199,218	
231,806	
235,757	
83,045	
67,283	
169,548	
155,139	
51,620	
2,600	
13,941	
17,600	
35,000	
15,000	

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tổng vốn NSTW và vốn đối ứng của tỉnh giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
<i>9=7+8</i>	<i>10</i>
13,500	

PHỤ LỤC 2

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH ĐỒNG THÁP (VỐN BỔ SUNG 64,780 TỶ ĐỒNG)**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Giai đoạn 2022-2025			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Định mức hỗ trợ giai đoạn 2022-2025/huyện, xã	Ghi chú
		Số lượng (xã)	Hệ số hỗ trợ (theo Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg)				
1	2	3	4	5	6	7	8
	<u>Tổng số (A + B + C):</u>				<u>64.780</u>		
A	<u>Hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới cho các xã, các huyện</u>	<u>63</u>		<u>125</u>	<u>36.280</u>		
I	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	2	20,0	40,0	11.610	5.805	
1	Huyện Tam Nông	1	20,0	20,0	5.805		
2	Huyện Thanh Bình	1	20,0	20,0	5.805		
II	Xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên (năm 2021) và Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí (2022-2025)	12	3,0	36,0	10.450	871	
1	Huyện Lai Vung						
2	Huyện Tam Nông	4	3,0	12,0	3.483		
3	Huyện Thanh Bình	3	3,0	9,0	2.612		
4	Huyện Tân Hồng	2	3,0	6,0	1.742		
5	Huyện Hồng Ngự	3	3,0	9,0	2.613		
III	Nhóm xã duy trì, nâng chất NTM	49	1,0	49,0	14.220	290	
1	Huyện Lai Vung	11	1,0	11,0	3.193		
2	Huyện Tân Hồng	6	1,0	6,0	1.741		
3	Huyện Hồng Ngự	6	1,0	6,0	1.740		
4	Huyện Châu Thành	1	1,0	1,0	290		
5	Huyện Lấp Vò	12	1,0	12,0	3.483		
6	Huyện Tháp Mười	4	1,0	4,0	1.161		
7	Huyện Cao Lãnh	7	1,0	7,0	2.032		
8	Thành phố Hồng Ngự	2	1,0	2,0	580		
B	<u>Hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025</u>				<u>15.000</u>		
C	<u>Hỗ trợ bổ sung thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh</u> (Hỗ trợ triển khai xây dựng thí điểm một số mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện đại diện một số vùng của cả nước)				<u>13.500</u>		